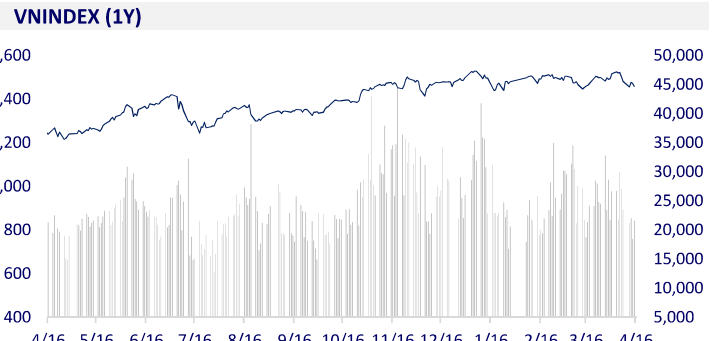
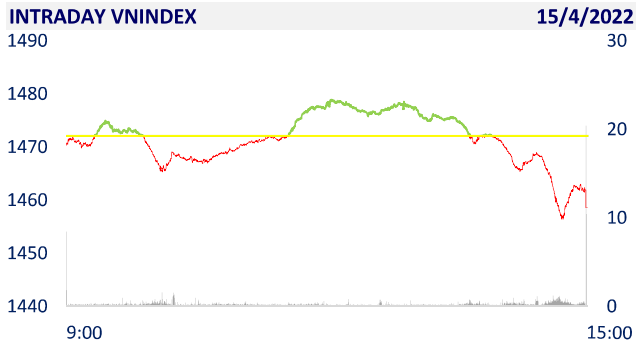
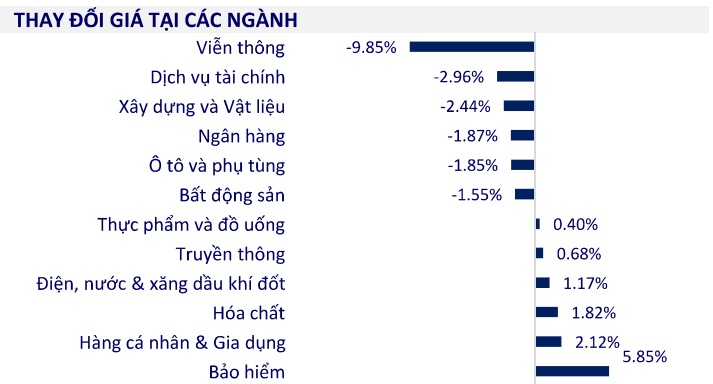


| TTCK VIỆT NAM | 1D | YTD |
|------------------------|------------------|---------|
| VN-INDEX | 1,458.56 -0.92% | -2.65% |
| VN30 | 1,493.74 -1.60% | -2.73% |
| HNX | 416.71 -1.65% | -12.08% |
| UPCOM | 112.36 -0.93% | -0.28% |
| GT mua ròng NĐTNN (tỷ) | 110.69 | |
| Tổng GTGD (tỷ) | 25,024.47 18.40% | -19.46% |

Phiên 15/04: Khối ngoại mua ròng trở lại 105 tỷ đồng. HPG tiếp tục bị khối ngoại bán ròng mạnh với 187 tỷ đồng. SSI và VND bị bán ròng lần lượt 67 tỷ đồng và 43 tỷ đồng. Trong khi đó, VPB bị bán ròng mạnh nhất với 76 tỷ đồng. CTG và DPM được mua ròng lần lượt 64 tỷ đồng và 55 tỷ đồng.



| ETF & PHÁI SINH | 1D | YTD |
|-----------------|-----------------|--------|
| E1FVN30 | 25,500 -0.08% | -1.28% |
| FUEMAV30 | 17,620 -1.34% | -2.60% |
| FUESSV30 | 18,590 4.38% | -2.16% |
| FUESSV50 | 21,800 -1.18% | -4.80% |
| FUESSVFL | 21,980 -0.77% | -2.22% |
| FUEVFND | 30,890 -0.61% | 10.12% |
| FUEVN100 | 20,000 0.45% | -6.89% |
| VN30F2209 | 1,480.30 -1.54% | |
| VN30F2206 | 1,490.20 -1.37% | |
| VN30F2205 | 1,493.00 -1.19% | |
| VN30F2204 | 1,492.60 -1.32% | |



| THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI | 1D | YTD |
|---------------------|------------------|---------|
| Nikkei | 27,093.19 -0.29% | -5.90% |
| Shanghai | 3,211.24 -0.45% | -11.77% |
| Kospi | 2,696.06 -0.76% | -9.46% |
| Hang Seng | 21,518.08 0.00% | -8.03% |
| STI (Singapore) | 3,335.85 0.00% | 6.79% |
| SET (Thái Lan) | 1,674.34 0.00% | 1.01% |
| Dầu thô (\$/thùng) | 106.51 3.58% | 39.23% |
| Vàng (\$/ounce) | 1,972.50 0.12% | 8.33% |

Trung Quốc bất ngờ không hạ lãi suất, chứng khoán châu Á hầu hết giảm. Tại Nhật Bản, Nikkei 225 giảm 0,29%, Topix giảm 0,62%. Thị trường Trung Quốc đi xuống với Shanghai Composite giảm 0,45%, Shenzhen Component giảm 0,56%. Thị trường Trung Quốc chịu áp lực mạnh trong vài tuần gần đây khi nước này phải đối phó với đợt bùng phát Covid-19 tệ nhất kể từ sau Vũ Hán.

| KINH TẾ VĨ MÔ | 1D (bps) | YTD (bps) |
|------------------------|---------------|-----------|
| Lãi suất liên NH | 2.12% | 1 131 |
| Lãi suất tiết kiệm 12T | 5.60% | 0 0 |
| TPCP - 5 năm | 2.31% | 3 130 |
| TPCP - 10 năm | 2.93% | 11 93 |
| USD/VND | 23,120 0.41% | 0.78% |
| EUR/VND | 25,204 -1.32% | -4.78% |
| CNY/VND | 3,663 -0.05% | 0.14% |

Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam đề xuất phát triển sớm đội tàu container phục vụ xuất nhập khẩu. Cụ thể, theo đề xuất, giai đoạn 1 trong 3 - 5 năm tới sẽ tập trung đầu tư đội tàu container cho các tuyến vận chuyển nội Á như tới Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Ấn Độ, Singapore, Trung Đông..., sẽ cần chi 1,5 tỷ USD cho việc đóng mới hoặc mua lại tàu cũ và đầu tư thuê - mua container.

LỊCH SỰ KIỆN

| Mã | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC | Ngày thực hiện | Loại | Tỉ lệ | Giá trị |
|-----|------------|-----------|----------------|----------|-------|---------|
| ICT | 4/19/2022 | 4/20/2022 | 5/5/2022 | Tiền mặt | | 1,300 |
| VNC | 4/19/2022 | 4/20/2022 | 5/10/2022 | Tiền mặt | | 1,200 |
| KDC | 4/19/2022 | 4/20/2022 | 5/10/2022 | Tiền mặt | | 600 |
| TB8 | 4/22/2022 | 4/25/2022 | 5/10/2022 | Tiền mặt | | 1,000 |
| REE | 4/19/2022 | 4/20/2022 | 4/29/2022 | Tiền mặt | | 1,000 |
| TOT | 4/20/2022 | 4/21/2022 | 5/10/2022 | Tiền mặt | | 700 |
| DTC | 4/20/2022 | 4/21/2022 | 5/12/2022 | Tiền mặt | | 300 |
| STK | 4/22/2022 | 4/25/2022 | 5/23/2022 | Tiền mặt | | 1,500 |
| PRC | 4/25/2022 | 4/26/2022 | 5/18/2022 | Tiền mặt | | 1,000 |

TIN TỨC CHỌN LỌC

Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam đề xuất phát triển sớm đội tàu container

Cấp hộ chiếu vaccine trên cả nước từ ngày 15/4

Xuất khẩu tăng kỷ lục, doanh nghiệp đối mặt nhiều nỗi lo

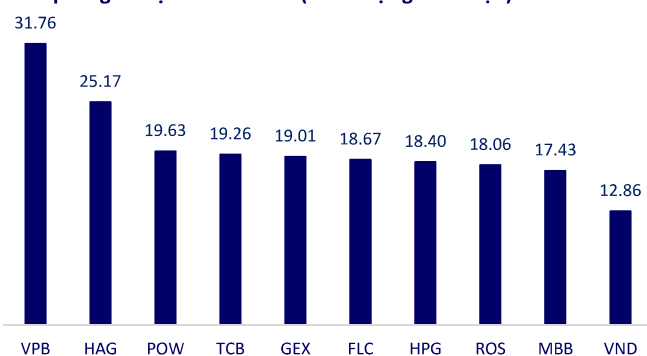
Singapore tiếp tục siết chính sách tiền tệ để ứng phó lạm phát

Ngân hàng Trung ương châu Âu duy trì lãi suất chủ chốt thấp kỷ lục

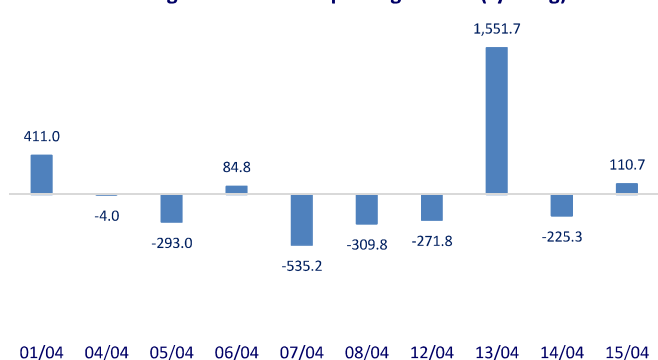
WHO: Covid-19 vẫn là trường hợp khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng toàn cầu

| | Đóng cửa | 1D | 5D | KL mua | KL bán | Nội dung |
|-----|----------|--------|--------|------------|------------|---|
| VCB | 80,200 | -0.99% | -3.37% | 1,376,600 | 1,323,900 | CTG: Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt phương án phát hành tổng thể trái phiếu tăng vốn cấp 2 theo hình thức riêng lẻ. Kỳ hạn từ 6 năm đến 15 năm với mệnh giá 100,000 đồng, giá phát hành bằng 100% mệnh giá. Tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá là 15,000 tỷ đồng. |
| BID | 39,300 | -2.96% | -6.21% | 3,797,400 | 4,341,600 | |
| CTG | 31,000 | -0.64% | -3.28% | 7,262,100 | 8,231,400 | |
| TCB | 45,600 | -3.59% | -6.65% | 26,460,800 | 28,460,500 | |
| VPB | 38,500 | -2.53% | -0.77% | 42,739,800 | 51,165,100 | |
| MBB | 31,400 | -2.79% | -5.42% | 21,146,100 | 23,215,800 | |
| HDB | 26,300 | -3.66% | -6.90% | 9,069,300 | 8,513,600 | |
| TPB | 37,350 | -4.35% | -7.09% | 6,941,600 | 7,879,100 | |
| STB | 30,100 | -2.27% | -2.90% | 15,665,400 | 17,777,800 | |
| ACB | 33,550 | -0.74% | -0.89% | 6,599,100 | 10,357,200 | |
| NVL | 84,100 | -1.06% | -1.52% | 5,228,300 | 4,564,700 | NVL: Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá 10,000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện dự kiến là 1:0.1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 193,042,132 cổ phiếu |
| KDH | 49,500 | -1.20% | -2.75% | 1,346,400 | 1,831,600 | |
| PDR | 86,600 | -3.24% | -4.84% | 3,006,400 | 3,107,600 | |
| GAS | 115,100 | 3.14% | 4.45% | 2,715,200 | 3,208,300 | GAS: Đạt kế hoạch doanh thu là 80.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 7.039 tỷ đồng, lần lượt giảm 0,2% và 20,5% so với thực hiện trong năm 2021 |
| POW | 14,700 | -5.47% | -9.26% | 32,574,700 | 33,775,100 | |
| PLX | 54,700 | 0.00% | -2.67% | 2,217,000 | 2,420,400 | |
| VIC | 80,700 | -1.22% | -1.22% | 2,414,400 | 4,135,900 | VIC: VinFast hợp tác với Amazon tích hợp trợ lý giọng nói Alexa vào xe điện thông minh |
| VHM | 71,100 | -1.66% | -5.33% | 5,953,400 | 6,726,000 | |
| VRE | 31,500 | -1.10% | -2.17% | 4,916,000 | 5,558,200 | |
| VNM | 76,500 | 0.26% | -1.03% | 3,505,500 | 2,955,500 | MSN: Dự kiến trình Đại hội thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với doanh thu thuần tăng 1,5% - 12,8%, tuy nhiên mục tiêu về lợi nhuận sau thuế lại giảm từ 15,9% - 31,7% |
| MSN | 125,000 | -0.56% | 1.01% | 1,529,700 | 1,781,900 | |
| SAB | 168,600 | 1.02% | 2.68% | 344,700 | 583,200 | |
| BVH | 135,900 | -0.73% | -1.81% | 737,400 | 916,700 | PNJ: Dự kiến phát hành 3,6 cổ phiếu ESOP, tương đương 1,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian dự kiến phát hành trong quý 2/2022 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. |
| VJC | 135,900 | -0.73% | -1.81% | 737,400 | 916,700 | |
| FPT | 115,000 | -1.37% | 5.99% | 4,939,400 | 6,170,300 | |
| MWG | 160,200 | 0.44% | 6.80% | 3,862,800 | 4,230,300 | |
| PNJ | 117,100 | 0.09% | 2.27% | 1,394,000 | 2,342,100 | |
| GVR | 36,000 | 4.20% | 3.30% | 6,915,400 | 7,628,400 | |
| SSI | 40,000 | -4.76% | -6.98% | 13,504,900 | 15,694,700 | |
| HPG | 44,200 | -1.56% | -4.74% | 25,514,800 | 27,950,700 | |

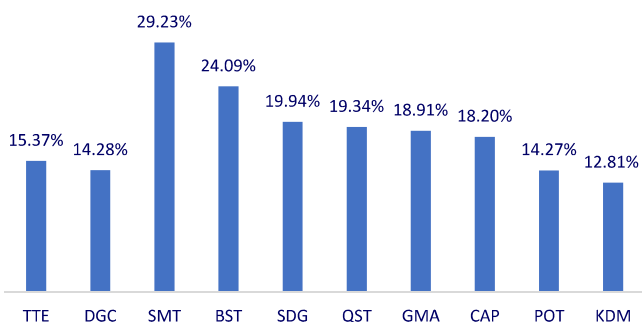
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

